

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST

Ngày 21/8/2017

V/v: Hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn N.

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị H Nhung: Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988 (có mặt).

HKTT: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh B.

Nơi ở hiện tại: thôn H, xã M, huyện V, tỉnh B.

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn N**, sinh năm 1973 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 06/7/2017, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị và anh Nguyễn Tuấn N kết hôn có được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 14/12/2010. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh N làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình được khoảng hai tháng thì vợ chồng ra ở riêng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm và không còn tình cảm với nhau nên hay cãi nhau. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 2 năm 2017, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng có được gia đình hai bên động viên hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa (anh N có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng trong biên bản lấy lời khai anh N xác định: anh và chị Nguyễn Thị

H kết hôn có được tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 14/12/2010. Sau khi kết hôn, chị H về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh và chị H bất đồng quan điểm, không hợp nhau nên thỉnh thoảng có cãi nhau. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 2 năm 2017, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn, chị H có đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh N đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 05/01/2013, hiện đang ở với anh N và phát triển bình thường. Ly hôn, chị H và anh N đều đề nghị được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con, hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị H và anh N đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2017 của chị H đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn N có đơn đề nghị xin hoà giải và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã, được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị H thấy rằng: qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: vợ chồng chị H, anh N từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống hạnh phúc, nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và sớm phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên hay cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng do vậy, từ tháng 2 năm 2017 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm không còn quan tâm đến nhau. Cả chị H và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Qua xác minh tại địa phương cũng xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã trở nên trầm trọng, vợ chồng khó có thể đoàn tụ được và đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 55 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị H và anh N được ly hôn là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị H cần được chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng: chị H và anh N đều xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 05/01/2013 hiện đang ở với anh N và phát triển bình thường. Ly hôn, chị H và anh N đều đề nghị được nuôi con. Xét thấy mặc dù cháu Lan A đang ở với anh N nhưng qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của anh N thấy rằng, anh N hiện làm nghề lái xe nên không thường xuyên ở nhà, bố mẹ đẻ anh N tuổi đã cao nên việc chăm sóc, trông nom cho cháu Lan A có phần hạn chế. Chị H hiện ở nhà đi chợ

bán hàng có công việc và thu nhập ổn định nên có thời gian và điều kiện chăm sóc cho con tốt hơn anh N, mặt khác hiện nay cháu Lan A tuổi vẫn còn nhỏ, vì vậy cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ, cần giao cháu Lan A cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình. Cho nên yêu cầu nuôi con của chị H cần được chấp nhận. Anh N được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Xét việc chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị thấy rằng, chị H hiện có công ăn việc làm ổn định, có thu nhập và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật cho nên cần chấp nhận.

[5]. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác*: chị H và anh N đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[6]. *Về án phí*: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tuấn N.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 05/01/2013. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh N được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001712 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tuấn N.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 05/01/2013. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh N được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001712 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSNDHiệp Hoà
- THADS Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Toàn